CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT
QUÝ 1 NĂM 2010 (Báo cáo chưa được kiểm toán)

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội Dung	Số dư cuối quý 1/2010	Số dư đầu năm
I	**Tài sản ngắn hạn**	**453,361,256,191**	**424,776,655,164**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	12,155,584,705	39,055,954,264
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	29,319,944,738	12,941,279,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	229,043,995,793	220,490,777,647
4	Hàng tồn kho	165,041,722,572	140,649,200,778
5	Tài sản ngắn hạn khác	17,800,008,383	11,639,443,475
II	**Tài sản dài hạn**	**90,739,139,112**	**88,693,122,641**
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	28,842,655,487	29,925,419,964
	- Tài sản cố định hữu hình	*25,670,036,232*	*26,694,215,110*
	- Tài sản cố định vô hình	*3,172,619,255*	*3,231,204,854*
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư	44,009,523,245	44,342,622,737
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5,403,931,285	5,403,931,285
5	Tài sản dài hạn khác	12,483,029,095	9,021,148,655
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**544,100,395,303**	**513,469,777,805**
IV	**Nợ phải trả**	**301,658,446,812**	**363,389,318,615**
1	Nợ ngắn hạn	286,605,546,716	348,891,693,214
2	Nợ dài hạn	15,052,900,096	14,497,625,401
V	**Vốn chủ sở hữu**	**242,202,312,165**	**149,845,632,739**
1	**Vốn chủ sở hữu**	**242,202,312,165**	**149,845,632,739**
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	124,657,150,000	64,657,150,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	77,142,009,600	48,476,809,600
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	15,590,931,916	15,590,931,916
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24,812,220,649	21,120,741,223
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**0**	**0**
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
3	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**	**239,636,326**	**234,826,451**
VI	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**544,100,395,303**	**513,469,777,805**

II.A. KẾT QỦA HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Stt	Chỉ Tiêu	Quý 1/2010	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	59,792,365,903	311,981,464,018
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	59,792,365,903	311,981,464,018
4	Giá vốn hàng bán	45,431,611,958	269,526,983,146
5	LN gộp về bán hàng & CC dịch vụ	14,360,753,945	42,454,480,872
6	Doanh thu hoạt động tài chính	873,669,523	2,477,367,053
7	Chi phí tài chính	1,727,870,403	4,067,771,827
8	Chi phí bán hàng	158,440,334	848,954,220
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,732,234,999	9,560,625,819
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10,615,877,732	30,454,496,059
11	Thu nhập khác	118,406,189	2,302,825,264
12	Chi phí khác	120,973,630	1,034,167,676
13	Lợi nhuận khác	(2,567,441)	1,268,657,588
14	Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		(396,068,715)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,613,310,291	31,327,084,932
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,653,327,573	9,478,726,313
17	LN sau thuế TNDN	7,959,982,718	21,848,358,619
17.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	17,735,991	(370,532,295)
17.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	7,942,246,727	22,218,890,914
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3,444
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

III CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Stt	Chỉ tiêu	Quý 1/2010	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản (%)		
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	16.68%	17.27%
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	83.32%	82.73%
2	Cơ cấu nguồn vốn (%)		
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	55.44%	70.77%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	44.51%	29.18%
3	Khả năng thanh toán (lần)		
	Khả năng thanh toán nhanh	0.14	0.15
	Khả năng thanh toán hiện hành	1.58	1.22
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	1.46%	4.26%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	13.31%	7.00%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	3.29%	14.58%

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC